

Bản án số: 51/2019/DS-ST

Ngày 29-11-2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hà Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Chân

Ông: Nguyễn Quang Hiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiện Phúc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ L số: 06/2019/TLST-DS, ngày 11/01/2019 về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2019/QĐXXST-DS, ngày 26/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2019/QĐST-DS, ngày 01/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam TV** (gọi tắt là VP)

Địa chỉ: Số 89, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Vương Văn Th, ông Vũ Cao T và ông Đỗ Văn Ph (Văn bản ủy quyền số 4638/2019/UQ-VPB, ngày 19/6/2019, ông Phi có mặt, ông Thành và ông Tiến vắng mặt)

Bị đơn: 1. Ông **Nguyễn Huy Ho**, sinh năm 1978

2. Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1982

Cùng đăng ký hộ khẩu và cư trú tại: thôn A.M, xã Y.V, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. (Đều vắng mặt lần 2 không có L do)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1950
2. Cháu Nguyễn N.A, sinh năm 2005
3. Cháu Nguyễn Q.H, sinh năm 2014

(Người đại diện hợp pháp của cháu Ánh và cháu Huy là anh Nguyễn Huy Ho và chị Bùi Thị L – là bố mẹ đẻ của hai cháu)

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: thôn A.M, xã Y.V, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

(Đều vắng mặt lần 2 không có L do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ghi ngày 06-9-2019, Đơn đề nghị bổ sung yêu cầu khởi kiện ghi ngày 12/7/2019 của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Đỗ Văn Ph trình bày:*

Ông Nguyễn Huy Ho và bà Bùi Thị L vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV (gọi tắt là VPBank) theo 02 Hợp đồng gồm: Hợp đồng tín dụng số 2464118 ký ngày 29/12/2014 và hợp đồng tín dụng là Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Dành cho Khách hàng cá nhân), cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 2464118 ký ngày 29/12/2014:

Số tiền vay: 390.000.000 đồng; Thời hạn vay: 84 tháng từ ngày 29/12/2014 đến ngày 29/12/2021; Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm đồ dùng gia đình; Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 8,99%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Ngày 12/7/2019, nguyên đơn có “Đơn đề nghị bổ sung yêu cầu khởi kiện”, yêu cầu ông Nguyễn Huy Ho và bà Bùi Thị L phải thanh toán khoản nợ là *Khoản vay theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Dành cho Khách hàng cá nhân), ký ngày 01/12/2015, ngày kích hoạt thẻ 05/12/2019:*

Hạn mức sử dụng thẻ: 36.000.000 đồng; Loại thẻ: StepUp Titanium MasterCard; Lãi suất cho vay của VPBank đối với chủ Thẻ thông qua việc phát hành và sử dụng Thẻ áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do VPBank quy định tại từng thời kỳ. Ngày kích hoạt thẻ 05/12/2015; Lãi suất tại thời điểm mở thẻ là 2,19%/tháng được áp dụng theo Quyết định 557/2045/QĐ-TGD, ngày 22/7/2015. Mức lãi suất này được điều chỉnh theo các Quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng ban hành theo các thời kỳ đối với loại thẻ hạng Titanium.

Để đảm bảo khoản cho cả hai khoản vay này, ông Nguyễn Huy Ho đã dùng tài sản của mình để thế chấp cho Ngân hàng TMCP VNTV bằng “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác” số công chứng: 5139/2014; quyền số 03-2014 do Văn phòng công chứng

Kinh Đô chứng nhận ngày 25/12/2014. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thuộc hình thức sử dụng riêng và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Huy Ho theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 878282, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: 0929, số QĐ: 1403/QĐ-UB; MS: 5321038 do UBND huyện Gia Lâm cấp ngày 30/12/2005, tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn Nối và bà Nguyễn Thị Ch, đã đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Huy Ho ngày 24/11/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Gia Lâm, Hà Nội, thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 09, địa chỉ: Thôn A.M, xã Y.V, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, có diện tích 111,7m², sử dụng riêng: 90,2m², sử dụng chung 21,5m². Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/12/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 2464118, ký ngày 29/12/2014, ông Nguyễn Huy Ho và vợ là Bà Bùi Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho VPBank từ ngày 30/05/2017. Tính đến ngày 29/11/2019, số tiền ông Ho và bà L đã trả cho VPBank theo Hợp đồng tín dụng này là: 215.109.574 đồng, trong đó nợ gốc đã trả: 130.125.715 đồng; nợ lãi đã trả: 84.983.859 đồng. Đối với hợp đồng tín dụng là Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Dành cho Khách hàng cá nhân), ký ngày 01/5/2015, ông Ho quá hạn thanh toán ngày 07/4/2017. Ông Ho đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 61.732.000 đồng.

VPBank rút yêu cầu đối với phần phạt chậm trả lãi đối với Hợp đồng tín dụng số 2464118 trong đơn khởi kiện là 6.727.338 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV yêu cầu:

Ông Nguyễn Huy Ho và bà Bùi Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 29/11/2019 là: 420.521.018 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 279.057.354 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.812.866 đồng; Nợ lãi quá hạn: 137.650.798 đồng), chi tiết nợ theo từng Hợp đồng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 2464118 ký ngày 29/12/2014 còn nợ: 367.887.451 đồng (trong đó nợ gốc: 252.743.129 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.812.866 đồng; Nợ lãi quá hạn: 111.331.456 đồng); Khoản vay theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Dành cho Khách hàng cá nhân) còn nợ là: 52.633.567 đồng (trong đó nợ gốc: 26.314.225 đồng; Nợ lãi quá hạn: 26.319.342 đồng).

Ông Nguyễn Huy Ho và bà Bùi Thị L tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận trong từng Hợp đồng tín dụng tính từ ngày 30/11/2019 cho đến ngày ông Nguyễn Huy Ho và bà Bùi Thị L thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

Nếu ông Ho và bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho VPBank theo “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác” số công chứng: 5139/2014; Quyền số: 03-2014 do Văn phòng công chứng Kinh Đô chứng nhận ngày 25/12/2014. Nếu số tiền thu được từ việc xử L tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Huy Ho và vợ bà Bùi Thị L phải tiếp tục có

nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV.

Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

*** Bị đơn là ông Nguyễn Huy Ho và bà Bùi Thị L trình bày:** Ông, bà là vợ chồng, vì vậy cùng quan điểm và thống nhất trình bày như sau:

Ông Ho và bà L công nhận nội dung lời khai phía nguyên đơn trình bày là đúng. Ông Ho và bà L thừa nhận: vợ chồng ông bà có ký Hợp đồng tín dụng số 2464118 ngày 29/12/2014 với Ngân hàng TMCP VNTV, chi nhánh Ngô Quyền – phòng giao dịch Chương Dương. Ngân hàng đã giải ngân bằng kế ước nhận nợ lần 01/số: 2464118, ngày 29/12/2014 với số tiền: 390.000.000 đồng, mục đích vay, thời hạn vay và lãi suất đúng như nguyên đơn trình bày.

Để đảm bảo khoản vay này, ông Nguyễn Huy Ho đã ký với Ngân hàng TMCP VNTV “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác” số công chứng: 5139/2014; quyền số 03-2014 do Văn phòng công chứng Kinh Đô chứng nhận ngày 25/12/2014. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/12/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội để thế chấp tài sản đúng như phía nguyên đơn trình bày

Ông Ho và bà L thừa nhận nguồn gốc tài sản đảm bảo là của mẹ ông Ho là bà Nguyễn Thị Ch đã tặng cho riêng ông Ho từ năm 2014, là tài sản riêng của ông Ho, không phải tài sản chung vợ chồng.

Khi thế chấp, trên diện đất thế chấp có 01 nhà 2,5 tầng, xây năm 2010, sân lát gạch đỏ trước nhà, sân trước có lợp tôn có kèo sắt.

Toàn bộ tài sản gắn liền với đất là có trước khi ông Ho thế chấp tài sản và là tài sản riêng của ông Ho. Sau khi thế chấp, tài sản vẫn nguyên hiện trạng, không thay đổi, sửa chữa gì thêm. Ngoài ra trên đất không còn tài sản nào khác

Sau khi vay tiền Ngân hàng, vợ chồng ông bà đã trả Ngân hàng TMCP VNTV số tiền: Nợ gốc đã trả: 130.125.715 đồng và nợ lãi đã trả: 84.983.859 đồng.

Đến ngày 30/5/2017 do vợ chồng ông bà khó khăn về kinh tế nên đã không thanh toán cho Ngân hàng VPBank đúng theo thỏa thuận.

Vợ chồng ông Ho và bà L đồng ý trả nợ cho Ngân hàng TMCP VNTV nhưng do gia đình đang rất khó khăn về kinh tế nên vợ chồng đề nghị phía ngân hàng xem xét giảm 1 phần lãi. Ông Ho, bà L đồng ý trả Nguyên đơn tổng số tiền (gồm cả gốc và lãi) là 300.000.000 đồng nhưng chia làm 03 lần trong thời hạn 03 tháng, nếu phía ngân hàng không đồng ý thì vợ chồng ông bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trên nhà đất thế chấp có những người sau đang sinh sống: vợ chồng ông bà, mẹ đẻ ông Ho là – bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1950, hai con của vợ chồng ông bà là cháu Nguyễn N.A, sinh năm 2005 và cháu Nguyễn Q.H, sinh năm 2013. Ngoài ra không còn ai.

Về việc nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện khoản vay của Hợp đồng thế chấp là Giấy đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Dành cho Khách hàng cá nhân): ông Nguyễn Huy Ho thừa nhận: Ngày 01/12/2015, ông có ký tiếp với Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV Hợp

đồng thẻ tín dụng là Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Dành cho Khách hàng cá nhân) với hạn mức là 36.000.000 đồng. Đến nay ông vẫn chưa thanh toán cho ngân hàng số tiền ông đã chi dùng đúng như phía nguyên đơn trình bày, cụ thể: nợ gốc: 26.314.225 đồng và nợ lãi: 16.545.249 đồng.

Ông Nguyễn Huy Ho đề nghị: Nếu phía nguyên đơn đồng ý hòa giải thì ông sẽ thanh toán số tiền còn nợ thẻ tín dụng với số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là 340.000.000 đồng. Nếu ngân hàng không đồng ý thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn là bà Bùi Thị L:** Sau khi nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay thẻ tín dụng là Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, Tòa án đã tiến hành thông báo nội dung khởi kiện bổ sung, triệu tập bà Bùi Thị L đến Tòa để lấy lời khai và hòa giải nhưng bà L vắng mặt không có L do, bà L cũng không gửi Văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không có lời khai của bà L về yêu cầu khởi kiện bổ sung của Nguyên đơn.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ch trình bày:**

Hiện bà đang sống cùng con là Nguyễn Huy Ho trên nhà đất thế chấp. Nguồn gốc nhà đất thế chấp là của vợ chồng bà, sau đó bà đã tặng cho riêng con trai Nguyễn Huy Ho. Bà xác định toàn bộ nhà đất thế chấp là của con trai Nguyễn Huy Ho, bà không có tranh chấp gì. Từ khi thế chấp đến nay, nhà đất vẫn nguyên hiện trạng, không thay đổi gì, bà cũng không có công sức đóng góp gì thêm. Trước yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, bà không có yêu cầu gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP VNTV rút yêu cầu ông Nguyễn Huy Ho và bà Bùi Thị L phải thanh toán tiền phạt chậm trả lãi là 6.727.338 đồng. Số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/11/2019 của cả hai hợp đồng tín dụng là: 420.521.018 đồng (trong đó: Nợ gốc: 279.057.354 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.812.866 đồng và nợ lãi quá hạn: 137.650.798 đồng) và giữ nguyên các yêu cầu khác, không đồng ý với phương án trả nợ như phía bị đơn đưa ra.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có L do.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ L cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Toà án nhân dân huyện Gia Lâm đã thụ L và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án giải quyết vụ án vi phạm các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VNTV đối với ông Nguyễn Huy Ho và bà Bùi Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng TMCP VNTV khởi kiện đối với ông Nguyễn Huy Ho và bà Bùi Thị L cư trú tại địa bàn huyện Gia Lâm, yêu cầu ông Ho, bà L trả nợ gốc, lãi theo 02 Hợp đồng tín dụng đã ký kết vay với mục đích tiêu dùng. Do đó đây là tranh chấp dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

[2]. *Về việc vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa:* ông Nguyễn Huy Ho, bà Bùi Thị L là bị đơn, không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ch, ông Ho và bà L còn là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Nguyễn N.A và cháu Nguyễn Q.H, không có yêu cầu độc lập, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Như vậy, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này là có căn cứ.

* Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV yêu cầu ông Nguyễn Huy Ho và bà Bùi Thị L trả nợ gốc, lãi và xử L tài sản thế chấp:

[3]. *Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng số 2464118, ngày 29/12/2014 và hợp đồng tín dụng là Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (dành cho khách hàng là cá nhân) ký ngày 01/12/2015, ngày kích hoạt thẻ 05/12/2015.*

Người tham gia ký kết hai hợp đồng này có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

Về hình thức của hai hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ. Việc ký kết hai hợp đồng tín dụng trên được Ngân hàng TMCP VNTV và ông Ho, bà L thừa nhận. Các bên ký kết hợp đồng không có thắc mắc và khiếu nại gì. Vì vậy các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[4]. *Về việc thực hiện hợp đồng của các bên:*

Sau khi các bên ký hợp đồng tín dụng số 2464118 và khế ước nhận nợ lần 01/số 2464118 ngày 29/12/2014: Ngân hàng TMCP VNTV đã giải ngân cho ông Ho và bà L số tiền 390.000.000 đồng. Hai bên không có thắc mắc gì về các nội dung và điều khoản của Hợp đồng cũng như việc giải ngân số tiền vay, ông Ho và bà L đã nhận đủ số tiền vay. Đối với hợp đồng tín dụng là Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (dành cho khách hàng là cá nhân), ký ngày 01/5/2015: Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Huy Ho thừa nhận ngoài Hợp đồng tín dụng số 2464118, ngày 29/12/2014, ông còn ký với Ngân hàng TMCP VNTV hợp đồng tín dụng là Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (dành cho khách hàng là cá nhân) và thừa nhận số tiền còn nợ: gốc là 26.314.225 đồng và nợ lãi 16.545.249 đồng (tạm tính đến ngày 12/7/2019) đúng như phía nguyên đơn trình bày

Xét thấy: Việc ký kết hợp đồng tín dụng là Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (dành cho khách hàng là cá nhân) và hợp đồng tín dụng số 2464118 cùng Khế ước nhận nợ là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

Theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì: hợp đồng tín dụng số 2464118, số tiền mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn tính đến thời điểm xét xử là: nợ gốc đã trả: 130.125.715 đồng; nợ lãi đã trả: 84.983.859 đồng. Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc, lãi theo lịch trình trả nợ theo hợp đồng cho vay đã ký kết của bị đơn tính từ thời điểm giải ngân. Đến ngày 30/5/2017 do vợ chồng ông Ho và bà L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng. Do đó, hợp đồng này chưa đến hạn nhưng Ngân hàng TMCP VNTV có quyền khởi kiện để thu hồi nợ trước hạn và buộc ông Ho và bà L phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với Hợp đồng tín dụng là *Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (dành cho khách hàng là cá nhân)*: ông Nguyễn

Huy Ho đã thanh toán cho nguyên đơn là 61.732.000 đồng (trong đó có 2.024.000 đồng là tiền các loại phí). Đến ngày 07/4/2017 thì ông Ho vi phạm nghĩa vụ thanh toán và bị áp dụng lãi suất quá hạn. Tạm tính đến ngày 29/11/2019, ông Ho và bà L còn nợ nguyên đơn số tiền là: 52.633.567 đồng, trong đó: nợ gốc: 26.314.225 đồng; nợ lãi quá hạn: 26.319.342 đồng. Nguyên đơn đã nộp bản sao kê tài khoản thẻ, bảng kê chi tiết tính lãi tính từ ngày bắt đầu kỳ sao kê đầu tiên.

Tổng cộng cả hai hợp đồng trên, tạm tính đến ngày xét xử 29/11/2019, ông Ho và bà L còn nợ nguyên đơn là 420.521.018 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 279.057.354 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.812.866 đồng; Nợ lãi quá hạn: 137.650.798 đồng).

Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng đã thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, thừa nhận nợ gốc, nợ lãi và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ nhưng xin giảm còn 340.000.000 đồng (đôi với cả hai Hợp đồng) nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ gốc của cả hai hợp đồng tín dụng trên là 279.057.354 đồng.

[5]. Về yêu cầu trả nợ lãi:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 2464118: Lãi suất Ngân hàng TMCP VNTV áp dụng đối với ông Nguyễn Huy Ho và bà Bùi Thị L được quy định cụ thể tại Điều 2 của Hợp đồng và khế ước nhận nợ: Lãi suất vay vốn các bên thỏa thuận tại thời điểm giải ngân là 8,99%/năm và cố định trong vòng 12 tháng, hết 12 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 5%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Đối với Hợp đồng tín dụng là Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (dành cho khách hàng là cá nhân): Lãi suất đang áp dụng trong hạn đối với ông Nguyễn Huy Ho là 2,79%/tháng, quá hạn là 150% lãi trong hạn là: 4,185%/tháng, theo Quyết định áp dụng lãi suất số 354/2019/QĐ-TGD, ngày 31/5/2019.

Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên trong hai hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo sự thỏa thuận của các bên theo từng hợp đồng tín dụng, phù hợp với chính sách lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Dư nợ gốc tính lãi phù hợp với tập sao kê giao dịch tài khoản (thẻ). Như vậy, bảng tính lãi có căn cứ được chấp nhận. Thực tế, ông Ho, bà L đã trả lãi một phần và đồng ý thanh toán lãi suất theo thỏa thuận.

Do đó, lãi suất Ngân hàng TMCP VNTV áp dụng đối với ông Ho và bà L là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP VNTV rút yêu cầu buộc ông Nguyễn Huy Ho và bà Bùi Thị L phải thanh toán tiền phạt chậm trả lãi là 6.727.338 đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên được chấp nhận và HĐXX đình chỉ giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

Xét về nghĩa vụ trả nợ của bà Bùi Thị L: Do khoản vay thẻ tín dụng của ông Ho mục đích tiêu dùng, vì vậy mặc dù bà L (là vợ) không trực tiếp sử dụng thẻ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng thẻ của ông Ho. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu bà Bùi Thị L phải có trách nhiệm trả nợ cùng với chồng là ông Nguyễn Huy Ho là có căn cứ và được HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích và đánh giá như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Huy Ho và bà Bùi Thị L có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP VNTV tạm tính đến ngày xét xử 29/11/2019 đối với cả hai hợp đồng tín dụng là 420.521.018 đồng (trong đó: Nợ gốc: 279.057.354 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.812.866 đồng; Nợ lãi quá hạn: 137.650.798 đồng), cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 2464118, ký ngày 29/12/2014 số tiền: 367.887.451 đồng (Nợ gốc: 252.743.129 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.812.866 đồng; Nợ lãi quá hạn: 111.331.456 đồng). Hợp đồng tín dụng là Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Dành cho Khách hàng cá nhân), ký ngày 01/12/2015, ngày kích hoạt 05/12/2015 số tiền là: 52.633.567 đồng (Nợ gốc: 26.314.225 đồng; Nợ lãi quá hạn: 26.319.342 đồng).

[6]. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án*: Do hai hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, ông Ho, bà L đồng ý trả lãi theo hợp đồng nên ông Ho và bà L phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Dành cho Khách hàng cá nhân) và Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Các bên đã thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng TMCP VNTV nên lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo Bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP VNTV.

[7]. *Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng: 5139/2014; Quyết số: 03-2014, ngày 25/12/2014*: Ông Ho và bà L thừa nhận việc ký hợp đồng thế chấp như phía nguyên đơn trình bày.

- Nội dung hợp đồng: Để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ và các nghĩa vụ khác của ông Nguyễn Huy Ho và bà Bùi Thị L tại Ngân hàng TMCP VNTV, ông Nguyễn Huy Ho đã dùng tài sản của mình để thế chấp cho ngân hàng là: Quyền sử dụng đất thuộc hình thức sử dụng riêng của ông Nguyễn Huy Ho theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 878282, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: 0929, số QĐ: 1403/QĐ-UB; MS: 5321038 do UBND huyện Gia

Lâm cấp ngày 30/12/2005, tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn Nói và bà Nguyễn Thị Ch, đã đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Huy Ho ngày 24/11/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Gia Lâm, Hà Nội thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 09, địa chỉ: Thôn A.M, xã Y.V, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, có diện tích 111,7m² (sử dụng riêng: 90,2m², sử dụng chung 21,5m²). Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/12/2014 tại. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, trên diện tích đất thế chấp có: 01 nhà 2,5 tầng, sân lát gạch đỏ, trước nhà lợp mái tôn có kèo bằng sắt. Hiện trên nhà đất thế chấp có vợ chồng ông Ho, bà L, mẹ ông Ho là bà Nguyễn Thị Ch, 02 con của ông Ho bà L là cháu Nguyễn N.A và cháu Nguyễn Q.H đang sinh sống, ngoài ra không còn ai khác. Theo lời khai của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ch thì toàn bộ tài sản gắn liền với đất là tài sản của ông Ho, ngoài ra không còn của ai khác.

Như vậy, tài sản thế chấp là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Huy Ho. Bên nhận thế chấp và bên thế chấp tại thời điểm ký kết điều tự nguyện, có năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về hình thức hợp đồng: Hợp đồng thế chấp này đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về hình thức và đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/12/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Gia Lâm nên đã tuân thủ đúng theo Điều 323 và Điều 343 của Bộ luật dân sự nên về hình thức là hợp pháp.

Xét hợp đồng thế chấp tài sản đã được bên nhận thế chấp và bên thế chấp thỏa thuận, tại thời điểm ký kết có năng lực hành vi dân sự, ký kết trên cơ sở tự định đoạt của những người có thẩm quyền, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, hợp đồng thế chấp đã được chứng thực của cơ quan Công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại các Điều 122, 124, 318, 319, 323, 342, 343, 715, 716, 717, 719 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 167 của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 10, Điều 12 của Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 1 của Nghị định số:11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do vậy, hợp đồng thế chấp đã có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Về nghĩa vụ được bảo đảm: Tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp, *Nghĩa vụ bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ phát sinh trong khoảng thời gian kể từ ngày 25/12/2014 đến ngày 25/12/2019.* Nguyên đơn yêu cầu khi bị đơn không thanh toán toàn bộ số nợ thì yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ bao gồm cả khoản nợ của Giấy đề nghị phát

hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký ngày 01/12/2015, ngày kích hoạt thẻ 05/12/2015 là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP VNTV khởi kiện, yêu cầu cơ quan thi hành án xử L tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông Ho và bà L không trả được nợ cho Ngân hàng và nếu số tiền thu được từ việc xử L tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Ho và bà L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 355, 721 của Bộ luật Dân sự 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Khi xử L tài sản thế chấp, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang ở trên nhà đất thế chấp có nghĩa vụ giao lại tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp.

[8]. Quan điểm và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng với các quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều: 122, 124, 299, 318, 319, 323, 342, 343, 471, 473, 474, 476, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 167 Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 10, Điều 12 Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và khoản 2 Điều 1 Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số:163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV đối với ông Nguyễn Huy Ho và bà Bùi Thị L.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV đối với ông Nguyễn Huy Ho và bà Bùi Thị L về việc yêu cầu thanh toán tiền phạt chậm trả lãi là 6.727.338 đồng.

3. Buộc ông Nguyễn Huy Ho và bà Bùi Thị L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV số tiền còn nợ (*tính đến ngày xét xử 29/11/2019.*) của Hợp đồng tín dụng số 2464118 ký ngày 29/12/2014 và Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (dành cho khách hàng là cá nhân), ký ngày 01/12/2015, tổng số tiền là 420.521.018 đồng, trong đó:

Nợ gốc là: 279.057.354 đồng;

Nợ lãi trong hạn của Hợp đồng tín dụng số 2464118 là: 3.812.866 đồng.

Nợ lãi quá hạn: 137.650.798 đồng

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Huy Ho và bà Bùi Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 2464118 ký ngày 29/12/2014, khế ước nhận nợ lần 01/số 2464118 ngày 29/12/2014 và hợp đồng tín dụng là Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Dành cho Khách hàng cá nhân) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong từng Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Trong trường hợp ông Nguyễn Huy Ho và bà Bùi Thị L không thanh toán được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV là: Quyền sử dụng đất thuộc hình thức sử dụng riêng và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Huy Ho được xác định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 878282, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: 0929, số QĐ: 1403/QĐ-UB; MS: 5321038 do UBND huyện Gia Lâm cấp ngày 30/12/2005, tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn Nối và bà Nguyễn Thị Ch đã đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Huy Ho ngày 24/11/2014, thuộc thửa đất số 06 tờ bản đồ số 09, tại địa chỉ: thôn A.M, xã Y.V, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, diện tích sử dụng riêng: 90,2m², sử dụng chung: 21,5m² theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng: 5139/2014; quyền số 03-2014 do Văn phòng công chứng Kinh Đô chứng nhận ngày 25/12/2014. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Huy Ho và vợ bà Bùi Thị L phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV.

5. Về án phí: ông Nguyễn Huy Ho và vợ là bà Bùi Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 20.820.841 đồng. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.026.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm theo biên lai thu số AA/2010/0004119, ngày 09/01/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lâm;
- TANDTP.Hà Nội
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP/TA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Hà Thu